

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 234/2019/HS-ST

Ngày 08/11/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lò Văn Thương

2. Ông Lê Quang Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Châm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đức Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 233/2019/TLST-HS ngày 11 tháng 10 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 237/2019/QĐXXST- HS ngày 25 tháng 10 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Trần Xuân B, tên gọi khác: không; sinh năm: 1990 tại Điện Biên;

Nơi ĐKNKTT: Đội 25, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; chỗ ở hiện nay: Đội 13, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Bá T và bà Trần Thị L (Đã chết), có vợ là Nguyễn Thị H, bị cáo có 01 con. Tiền án: có 01 tiền án: Ngày 29/01/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xử phạt 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản; tiền sự: không; Nhân thân: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/7/2019 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Văn M, tên gọi khác: không; sinh năm: 1987 tại Thái Bình;

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Đội 9, xã Nt, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn H và bà Trần Thị G, có vợ là Lò Thị Th, bị cáo có 02 con. Tiền án: không; tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 29/12/2003 có hành vi trộm cắp tài sản bị Công an thành phố Điện Biên Phủ xử phạt hành chính hiện đã được xóa; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/8/2019, sau đó bị tạm giam cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Chị Lò Thị S, sinh năm: 1996; Địa chỉ: Bản C, xã H, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. (Có mặt)

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị H; Địa chỉ: khu 7, xã T, huyện Th, tỉnh Phú Thọ.
(Vắng mặt)

2. Chị Trần Thị C; Địa chỉ: đội 4, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. (Có mặt)

3. Anh Trần Văn K; Địa chỉ: đội 4, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. (Có mặt)

- Người làm chứng: Anh Lò Văn Ch; Địa chỉ: Bản C, xã H, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. (Có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn M: Bà Lê Thị Diệu – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà Nước tỉnh Điện Biên. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14h ngày 19/6/2019 Trần Xuân B điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vison BKS: 27B1-171.90 đến nhà Trần Văn M rủ M đi chơi. B chở M đi đến khu vực cầu Huổi Múa, xã Keo Lô, huyện Điện Biên Đông thì trời sắp mưa cả hai quay về đến khu vực trung tâm xã Núa Ngam, huyện Điện Biên thì rẽ đi theo hướng Mường Nhà. Đi được khoảng 01 km thì M hỏi B là đi đâu thì B trả lời “đi bắt dê” nghe B bảo vậy M không nói gì. Khi đến khu vực Bản C, xã H, huyện Đ thấy cửa nhà chị Lò Thị S đang đóng và cạnh nhà có chuồng dê. B điều khiển xe đến cổng nhà chị S và một mình đi vào nhà chị S với mục đích xem có ai ở nhà không để bắt trộm dê. B thấy chị S đang bế con trên nhà. Thấy vậy B giả vờ hỏi chuyện chị S để tránh sự phát hiện. Sau đó B tiếp tục điều khiển xe mô tô chở M quay lại theo hướng trung tâm xã Núa Ngam khoảng 1 km thì B bàn với M kế hoạch trộm dê nhà chị S. M đồng ý với kế hoạch của B. Sau đó, B và M đi xe mô tô quay lại nhà chị S. M xuống xe đi vào nhà chị S vờ xin nước uống để đánh lạc hướng còn B để xe ven đường và đi ra khu vực chuồng dê nhặt một bao tải xác rắn màu xanh có giá trị 2.000 đ gần đó rồi mở cửa chuồng vào bắt 01 con dê cái màu lông xám khối lượng 25 kg có giá trị 2.250.000 đ cho vào bao tải rồi mang ra chỗ để xe mô tô. Khi B mang dê ra đến xe thì thấy anh Lò Văn Ch đi xe mô tô về phía B sợ bị bắt giữ nên B đã điều khiển xe bỏ chạy. M bỏ chạy nhưng bị chị S và anh Ch bắt giữ. Sau khi bắt trộm được dê, B đã mang bán cho một người tên Nhung làm thuê ở quán Kim Cúc với giá 1.500.000 đồng. Sau đó Nhung đã bảo anh K làm thịt, chế biến và bán hết. Số tiền bán dê B đã tiêu sài cá nhân hết. Cơ quan điều tra đã thu giữ được 01 chiếc bao tải xác rắn màu xanh, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vison BKS: 27B1-171.90 và hiện đã trả lại chiếc bao tải cho chị S, chiếc xe mô tô cho chị Nguyễn Thị H.

Quá trình điều tra các bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá, kết luận điều tra của cơ quan điều tra và cáo trạng của Viện kiểm sát. Bị cáo M đề nghị được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm vì là cá nhân thuộc hộ nghèo.

Tại bản cáo trạng số 223 ngày 09/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên đã truy tố các bị cáo: Trần Xuân B và Trần

Văn M về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, điều 58 Bộ Luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Xuân B từ 09 đến 12 tháng tù. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn M mức án từ 06 đến 09 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Căn cứ khoản 2 điều 47, khoản 1 điều 48 bộ luật Hình sự, điểm b khoản 3 điều 106 bộ luật Tổ tụng hình sự chấp nhận việc trả lại tài sản cho người bị hại của cơ quan điều tra. Áp dụng điều 48 bộ luật Hình sự, các điều 357, 468, 585, 587 và 589 bộ luật Dân sự buộc bị cáo B phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho chị Lò Thị S số tiền 2.250.000 đ vì bị cáo B tự nguyện bồi thường toàn bộ số thiệt hại này. Đề nghị buộc bị cáo B phải chịu án phí theo qui định của pháp luật, miễn án phí cho bị cáo M.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo Trần Văn M nhất trí với quan điểm đề xuất của Viện kiểm sát nhưng đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” qui định tại điểm i khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến tranh luận không nhất trí với đề nghị của người bào chữa vì lý do năm 2003 bị cáo M đã có hành vi trộm cắp tài sản và bị xử lý hành chính.

Bị hại Lò Thị S yêu cầu Tòa án buộc hai bị cáo có trách nhiệm liên đới bồi thường cho chị giá trị tài sản chị bị thiệt hại, buộc mỗi bị cáo phải bồi thường cho chị là 1.125.000 đ vì cả B và M cùng nhau trộm cắp tài sản của chị. Chị S đề nghị xử phạt các bị cáo đúng qui định của pháp luật và không có ý kiến gì khác.

Lời nói sau cùng của các bị cáo, bị cáo M: Bị cáo đã biết lỗi, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Bị cáo B: Bị cáo đã biết lỗi, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo: Chiều ngày 19/6/2019 tại Bản C, xã H, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, Trần Xuân B, Trần Văn M đã cùng nhau trộm cắp 01 con dê cái màu lông xám khối lượng 25 kg và 01 bao tải xác rắn có tổng giá trị 2.252.000 đ của chị Lò Thị S. Hành vi của các bị cáo đã được chứng minh qua lời khai của các bị cáo, bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, tại bản kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi trên của các bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân. Các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định các bị cáo có tội. Các bị cáo Trần Xuân B, Trần Văn M phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên đã truy tố.

[2] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi trên của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội có tính chất ít nghiêm trọng, nhưng gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội trên địa bàn, trực tiếp xâm phạm đến tài sản của công dân. Các bị cáo cố ý cùng thực hiện một tội phạm, có sự cấu kết giản đơn với nhau trong việc thực hiện tội phạm nên đây là đồng phạm không phải là phạm tội có tổ chức. Trong vụ án Trần Xuân B là người khởi xướng, rủ rê, phân công nhiệm vụ cho M và trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt. Trần Văn M là người giúp sức cho B, tạo tình huống làm bị hại sơ hở mất cảnh giác để B thực hiện việc trộm cắp. Tính chất hành vi và vai trò của bị cáo B là nguy hiểm hơn so với bị cáo M. Do đó, bị cáo B phải chịu trách nhiệm hình sự nặng hơn so với bị cáo M.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo M phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đại diện viện kiểm sát cho rằng bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên là không có cơ sở bởi năm 2003 bị cáo bị xử phạt hành chính chứ không phải là phạm tội, việc xử lý hành chính không được coi là phạm tội. Bị cáo B có 01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” theo qui định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo M không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Căn cứ vào tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm nhân thân của các bị cáo; nhằm thể hiện tính nghiêm minh, nghiêm khắc và răn đe của pháp luật với tội phạm và những hành vi vi phạm pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, có ý thức chấp hành pháp luật, đủ sức răn đe đối với các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát nhân dân đề xuất áp dụng đối với bị cáo M là có cơ sở cần chấp nhận, đối với bị cáo B là chưa đủ tác dụng giáo dục và răn đe vì bị cáo B đã từng bị xử phạt về tội trộm cắp tài sản nhưng không lấy đó làm bài học mà vẫn tiếp tục coi thường pháp luật nên Hội đồng xét xử cân nhắc quyết định áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc hơn, đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo.

[3]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 50.000.000đ. Tuy nhiên theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo là người không có thu nhập ổn định, hoàn

cảnh kinh tế khó khăn và không có tài sản gì có giá trị. Do đó, hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[4]. Về vật chứng vụ án: Việc trả lại 01 chiếc bao tải xác rắn màu xanh cho bị hại Lò Thị S và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vison biển kiểm soát 27B1-171.90 cho chị Nguyễn Thị H vì chị H không biết B dùng xe mô tô trên (là tài sản riêng của chị H) vào việc trộm cắp tài sản của Cơ quan điều tra là đúng qui định của pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ điều khoản 2 điều 47, khoản 1 điều 48 bộ luật Hình sự, điểm b khoản 3 điều 106 bộ luật Tố tụng hình sự chấp nhận việc trả vật chứng này.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Chị Lò Thị S yêu cầu Tòa án buộc hai bị cáo có trách nhiệm liên đới bồi thường cho chị giá trị tài sản chị bị thiệt hại, buộc mỗi bị cáo phải bồi thường cho chị là 1.125.000 đ. Hội đồng xét xử thấy rằng cả hai bị cáo đều tham gia thực hiện hành vi phạm tội nên các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho chị S tổng giá trị tài sản thiệt hại, các bị cáo đều có lỗi như nhau trong việc gây thiệt hại nên mỗi bên phải chịu trách nhiệm như nhau. Do đó, căn cứ khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự, các điều 357, 468, khoản 1 điều 584, khoản 1 điều 585, điều 587 và điều 589 bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu của chị S, buộc B và M phải liên đới bồi thường số tiền 2.250.000 đ cho chị S, mỗi người phải bồi thường 1.125.000 đ. Việc đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa cho bị cáo M đề nghị hội đồng xét xử chỉ buộc bị cáo B chịu bồi thường toàn bộ thiệt hại đối với bị hại vì bị cáo B đã tiêu sài một mình số tiền bán tài sản trộm cắp được và đã tự nguyện chịu bồi thường toàn bộ, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị này vì quyền yêu cầu thuộc về bị hại, mặc dù bị cáo B tự nguyện nhưng bị hại không đồng ý sự tự nguyện đó. Bị cáo M có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra nhưng không được ăn chia số tiền trộm cắp được, tại phiên tòa bị cáo M không có yêu cầu gì về vấn đề này nên hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bị cáo B phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Miễn án phí hình sự sơ thẩm án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo M vì là cá nhân thuộc hộ nghèo theo qui định tại điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về vấn đề khác có liên quan: Chị Trần Thị C là người chỉ đạo Nhung mua con dê của B, anh Trần Văn K là người mổ thịt con dê trên. Chị C và anh K không biết con dê là tài sản do B phạm tội mà có nên không vi phạm pháp luật. Người có tên Nhung là nhân viên mới của nhà hàng do chị C làm chủ, sau khi sự việc xảy ra Nhung đã bỏ làm đi đâu không rõ. Chị C và mọi người ở nhà hàng

không biết họ tên đầy đủ và địa chỉ của Nhung ở đâu, Cơ quan điều tra không xác minh làm rõ được nên hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[8] Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an huyện Điện Biên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng này đều đảm bảo tính hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, Điều 58, điểm h khoản 1 Điều 52, các điểm s, i khoản 1 Điều 51, khoản 1 điều 48, khoản 2 điều 47 Bộ luật Hình sự; Điểm b khoản 3 điều 106, khoản 2 Điều 136, các khoản 1, 4 Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các điều 357, 468, khoản 1 điều 584, khoản 1 điều 585, điều 587 và điều 589 Bộ luật Dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Trần Xuân B, Trần Văn M phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Trần Xuân B 14 (Mười bốn) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày có mặt tại trụ sở cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Điện Biên để thi hành án hoặc ngày bị áp giải thi hành án.

Xử phạt bị cáo Trần Văn M 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bị tạm giữ 15/8/2019.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Về vật chứng: Chấp nhận việc xử lý vật chứng tại quyết định xử lý vật chứng số 51/QĐ ngày 12/9/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Điện Biên.

4. Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc Trần Xuân B và Trần Văn M phải liên đới bồi thường cho chị Lò Thị S số tiền 2.250.000 (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng, mỗi bị cáo phải bồi thường là 1.125.000 (Một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bên phải thi hành án chưa thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

5. Về án phí:

Bị cáo Trần Xuân B phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Bị cáo Trần Văn M được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

6. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại được kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 08/11/2019. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày trong thời hạn kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát huyện DB;
- Viện kiểm sát tỉnh Điện Biên;
- Công an huyện DB;
- Chi cục Thi hành án DSHĐB;
- Toà án tỉnh Điện Biên;
- Nhà tạm giữ CAHĐB;
- Sở tư pháp tỉnh DB;
- Các bị cáo, bị hại,
- NCQLNVLQ, NBC;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Ngọc